

NGÔN NGỮ BIỂU CẢM - PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP HIỆU QUẢ CỦA TRẺ KHIẾM THÍNH

VŨ THỊ THU HÀ*

Ngày nhận bài: 30/10/2017; ngày sửa chữa: 09/11/2017; ngày duyệt đăng: 13/11/2017.

Abstract: Communication is an indispensable need and always cement to the activities of people in general and children with deaf children in particular. Due to hearing impairment, children with hearing impairment often use the manipulations of body parts such as gestures, facial expressions, eye contact expressions, smile, hand movements, tone, etc. to communicate with others. This article explores the concept of expressive language, the characteristics of expressive language in communication of deaf children. On that basis, we propose some measures to develop language and meet the communication needs of deaf children.

Keywords: Communication, language, expressive language, deaf children.

1. Đặt vấn đề

Trong ngôn ngữ phổ thông, trẻ khiếm thính thường được hiểu là mất thính giác hoàn toàn, không nghe được chút nào hoặc giảm sút nhiều về thính giác, nghe không rõ. Trung bình, cứ 1.000 trẻ sinh ra thì có 2 trẻ bị khiếm thính bẩm sinh từ mức nhẹ đến mức sâu, trong số 1.000 trẻ đó lại có thêm 2 trẻ bị khiếm thính mắc phải (điếc sau khi sinh). Đối với một số trẻ bị giảm sức nghe, âm thanh mà trẻ nghe được chỉ nhỏ hơn so với bình thường. Đối với một số trẻ bị giảm sức nghe khác, âm thanh mà trẻ nghe được có thể vừa bị nhỏ hơn, vừa bị méo mó. Chỉ có một số ít trẻ bị khiếm thính sâu mà không còn nghe được chút nào cả (con số này nhỏ hơn 5% tổng số trẻ khiếm thính) [1; tr 10]. Điều này gây khó khăn cho trẻ khiếm thính trong giao tiếp và cuộc sống với những mức độ khác nhau. Vì vậy, nghiên cứu đặc điểm sử dụng ngôn ngữ biểu cảm của trẻ từ đó đề xuất một số biện pháp phát triển ngôn ngữ biểu cảm để thỏa mãn nhu cầu giao tiếp cho trẻ là một vấn đề cấp bách và cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Mức độ và đặc điểm của trẻ khiếm thính

Mức độ khiếm thính (điếc) của trẻ: - *Điếc nhẹ* (điếc mức I): Trẻ không nghe thấy được một số âm thanh lời nói - đặc biệt là các phụ âm nhỏ. Nếu nói rất nhỏ trẻ sẽ không nghe thấy một số âm thanh. Những trẻ điếc nhẹ vẫn có khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói; - *Điếc vừa* (điếc mức II): Trẻ không nghe thấy một số âm thanh lời nói. Những trẻ điếc vừa nói không rõ, phát âm thiếu chuẩn xác, người đối thoại phải chú ý nghe mới hiểu; - *Điếc nặng* (điếc mức III): Trẻ không nghe được phần lớn âm thanh của ngôn ngữ nói trong giao tiếp thông thường; - *Điếc sâu* (điếc mức IV): Trẻ không nghe thấy chút nào âm thanh lời nói trong giao

tiếp thông thường, thậm chí ngay cả khi nói to trẻ cũng không nghe thấy [1; tr 12].

Trẻ khiếm thính do có khó khăn về mặt ngôn ngữ nên nhìn chung thường xuất hiện tính rụt rè, nhút nhát trong giao tiếp. Đối với một đứa trẻ, cảm giác bị điếc có thể giống như việc sống trong một cái hộp kính bao quanh. Trẻ điếc có thể nhìn thấy mọi người đang nói nhưng lại không hiểu họ nói cái gì. Mọi người được tiếp xúc với nhau vì họ học được ngôn ngữ để giao tiếp. Nhưng trẻ điếc không thể học được ngôn ngữ khi mà trẻ không nghe thấy gì. Điều này có nghĩa là nhiều trẻ điếc lớn lên mà không thể học hoặc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với những người ở xung quanh mình. Thông thường trẻ rất ngại giao tiếp bằng lời nói. Khi phải tiếp xúc với người lạ, trẻ thường lẩn tránh. Trẻ khiếm thính cũng thường gặp trở ngại khi bắt đầu một cuộc giao tiếp. Trẻ ít có thể thu hút sự chú ý của người khác bằng lời nói bình thường, do đó việc tổ chức một cuộc giao tiếp với người nghe khó khăn hơn bình thường.

Để thu hút sự chú ý của người khác khi muốn bắt đầu giao tiếp, trẻ chủ yếu dùng cử chỉ điệu bộ hoặc sự tiếp xúc. Nhiều trẻ chạm vào người giao tiếp, đập tay hoặc đập vào người khác trước khi nói chuyện khiến người tham gia giao tiếp cảm thấy không bình thường và không thoải mái. Nhìn chung con người ai cũng có một nhu cầu rất lớn đó là giao tiếp và xây dựng mối quan hệ với người khác. Khi một đứa trẻ không có kỹ năng giao tiếp để tiếp cận với người khác và khi người khác không biết làm thế nào để giao tiếp hay tiếp cận với trẻ thì trẻ có thể bị bỏ rơi. Một trẻ có ngôn ngữ mạch lạc, có thể giao tiếp và truyền đạt thông tin, trẻ đó sẽ tự tin trong giao tiếp và tiếp xúc với người khác.

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Một trẻ nói mà không ai hiểu hoặc nhận được sự nhạo báng, nhắc nhở liên tục có thể dễ rơi vào tự tin, mặc cảm và trở nên ngại giao tiếp. Cứ như vậy, sau một thời gian, trẻ dễ rơi vào trạng thái bị cô lập về mặt xã hội.

2.2. Ngôn ngữ biểu cảm

Giao tiếp là nhu cầu không thể thiếu và luôn gắn chặt với hoạt động của con người. Thông qua hoạt động giao tiếp, con người có thể hoàn thiện và phát triển bản thân, từ đó phát triển xã hội. Khi nói đến giao tiếp, nhiều người cho rằng, lời nói là công cụ, phương tiện quan trọng và hữu hiệu nhất của con người. Tuy nhiên, điều này thật không hẳn đúng. Việc giao tiếp có thể xảy ra ngay cả khi không có ngôn từ nào được phát ra. Đó là phi ngôn từ hay ngôn ngữ biểu cảm. Như vậy, *ngôn ngữ biểu cảm là tất cả những gì mà chúng ta thể hiện ra bên ngoài trong quá trình giao tiếp với người khác. Tất cả những thao tác, chuyển động của từng bộ phận cơ thể bao gồm các cử chỉ, sự biểu lộ trên khuôn mặt, sự thể hiện qua ánh mắt, nụ cười, hành động của bàn tay, giọng điệu, điệu bộ cơ thể...* [2; tr 32]. Ta có thể thấy, khi ngôn ngữ còn chưa được hình thành, phi ngôn từ là yếu tố duy nhất trong giao tiếp. Cho đến bây giờ, phi ngôn từ vẫn chưa mất đi tính quan trọng của nó.

Theo các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ trên thế giới thì lời nói, chữ viết, cử chỉ hành động... được sử dụng trong quá trình giao tiếp đều là ngôn ngữ. Ngôn ngữ nói (lời nói), ngôn ngữ viết (chữ viết), ngôn ngữ biểu cảm (cử chỉ, hành động, âm thanh, màu sắc, tác phong, cách ăn mặc...). Trong đó, *ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết là ngôn ngữ chính thể, ngôn ngữ biểu cảm là ngôn ngữ không chính thể (phi ngôn ngữ)*.

Trong quá trình giao tiếp, ngôn ngữ biểu cảm là ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất, sau đó đến ngôn ngữ nói và cuối cùng là ngôn ngữ viết. Một nghiên cứu của giáo sư người Mỹ Albert Mehrabian chỉ ra rằng, trong khi giao tiếp, 93% thông tin được truyền tải qua giọng điệu và sự thể hiện trên khuôn mặt của chúng ta, trong khi đó, chỉ có 7% thông điệp được truyền tải bằng ngôn ngữ [2; tr 36]. Qua đó cho thấy, chúng ta thường thể hiện cảm xúc và thái độ của chúng ta một cách phi ngôn từ hơn là bằng lời nói. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao nhất trong điều kiện cụ thể, các chủ thể cần tận dụng mọi cơ hội để khai thác tối đa cả ba ngôn ngữ khi giao tiếp.

Ngôn ngữ kí hiệu hay ngôn ngữ dấu hiệu, thủ ngữ là ngôn ngữ dùng những biểu hiện của bàn tay thay cho âm thanh của tiếng nói. Ngôn ngữ kí hiệu do người khiếm thính tạo ra nhằm giúp họ có thể giao tiếp với nhau trong cộng đồng của mình và tiếp thu tri

thức của xã hội. *Ngôn ngữ kí hiệu là một dạng đặc biệt của ngôn ngữ biểu cảm bởi nó cũng sử dụng hệ thống những cử chỉ, hành động nhưng là một thứ ngôn ngữ hoàn chỉnh với hệ thống từ vựng và ngữ pháp riêng biệt?* Bài viết này không đi sâu vào ngôn ngữ kí hiệu mà chỉ đề cập đến ngôn ngữ biểu cảm mà trẻ khiếm thính sử dụng là một phương tiện khi giao tiếp.

Một biện pháp đơn giản để nhận ra tầm quan trọng của ngôn ngữ biểu cảm là bạn hãy thử nói chuyện mà nhắm mắt và hoàn toàn không cử động thân thể. Chỉ 30 phút thôi, bạn sẽ ngạc nhiên nhận thấy hiệu quả câu chuyện rất thấp. Chúng ta hoàn toàn mất phương hướng và khả năng phán đoán nếu không có các cử chỉ, điệu bộ, nét mặt của người đối thoại “hướng dẫn”, cũng như nếu không dùng tay chân thì hiệu quả truyền đạt cũng giảm hẳn. Bạn làm thế nào để diễn đạt tính từ “to lớn”? Có phải dùng 2 tay khoát một vòng tròn lớn trong không khí? Thế nếu ai đó giả bộ cầm micro nhưng đưa nhún nhảy trước miệng thì bạn nghĩ đến động từ gì? Có phải “hát” không? Bạn làm thế nào để biểu hiện đang “gõ cửa”? Có phải giả bộ gõ gõ vào một cái cửa không khí trước mặt không? Diễn tả động từ “ngủ” thì sao? Có phải áp tay lên má và nhắm mắt lại không? Và với một đứa trẻ đang khao khát khám phá thế giới, khao khát được giao tiếp và được gần bó với mọi người mà nó lại mất đi khả năng nghe, mất đi cơ hội được nói (phát âm ngôn ngữ), được bắt chước ngôn ngữ của người lớn, thì nó phải tìm cho mình một sợi dây khác để kết nối với thế giới - đó là sử dụng hệ thống ngôn ngữ biểu cảm.

2.3. Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ biểu cảm khi giao tiếp của trẻ khiếm thính

Giao tiếp được hình thành ngay từ những giai đoạn đầu khi trẻ mới sinh ra, trước khi trẻ bắt đầu phát âm một hay hai từ, trẻ đã sử dụng tiếng khóc, tiếng cười và lời nói thì thậm chí để giao tiếp với mọi người xung quanh. Đứa trẻ phát ra những tiếng kêu, xuất hiện máy môi, sau đó là tiếng bập bẹ và sự chú ý về âm thanh cũng phát triển. Đứa trẻ biết hướng sự chú ý lắng nghe về phía phát ra âm thanh. Trẻ có thể lặng yên hoặc nín khóc khi nghe thấy tiếng hát ru của bà, của mẹ.

Khoảng 3-4 tháng, khi người lớn cúi xuống trò chuyện với trẻ thì trẻ toét miệng cười, nét mặt tươi, ánh mắt vui, cổ họng phát ra một số âm thanh nhỏ chưa rõ âm tiết, chân tay thì khua khoắng.

Khoảng 5-6 tháng, trẻ thích lên giọng, thích phát âm dù âm tiết chưa rõ ràng.

Khoảng 7-8 tháng trẻ phát ra một số âm bập bẹ: ba ba, ma ma. Và hiểu một số từ người lớn khi người lớn gần từ đó với đối tượng cụ thể. Để trả lời câu hỏi: “Mẹ đâu?”, “Đồng hồ đâu?” đứa trẻ bắt đầu tìm và

quay đầu về phía đối tượng. Điều đó chứng tỏ rằng ở độ tuổi này đứa trẻ bắt đầu hiểu ngôn ngữ giao tiếp với nó, có nghĩa là ở nó ngôn ngữ thụ động đã bắt đầu phát triển, ngôn ngữ của người lớn xung quanh có vai trò to lớn đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Người lớn cần phải nói nhiều hơn, từ phát ra rõ ràng, rành mạch, dùng nhại cách phát âm không đúng của trẻ.

Khoảng 9-10 tháng trẻ có thể phát âm một số từ đơn giản theo người lớn.

Cuối năm thứ nhất trẻ tự nói được khoảng 10 từ đơn.

Vốn từ của trẻ dần dần được tích lũy. Vào độ 2 tuổi, vốn từ của trẻ bình thường vào khoảng 300 từ, 3 tuổi khoảng 1.000 từ, từ 5 đến 6 tuổi gần 3.000 từ. Trong quá trình tập nói, trẻ dần dần nắm được cấu trúc ngữ pháp của tiếng nói một cách tự nhiên nhất. Mặc dù chẳng ai dạy trẻ quy tắc ngữ pháp nhưng những quy luật cơ bản và chuẩn mực ngữ pháp của tiếng nói đã được trẻ nắm qua thực hành trước khi đến trường, mối liên hệ ngữ pháp giữa các từ trong câu đã được sử dụng. Ban đầu trẻ nói câu một tiếng duy nhất. Sau đó, trẻ nói được câu 2 tiếng. Rồi nói được một câu đơn giản khoảng 3-5 tiếng. Sau nữa, xuất hiện những cấu trúc ngữ pháp phức tạp với những liên từ liên hợp và liên từ phụ thuộc. Tất cả những điều này cũng nói lên rằng những quá trình và những thao tác tư duy đang phát triển và trở nên phức tạp. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ bình thường chủ yếu dựa trên cơ sở hoàn thiện của bộ máy phát âm (thính giác, thanh quản, bộ não) và giao tiếp bằng ngôn ngữ với mọi người xung quanh.

Đối với trẻ khiếm thính, chúng ta quan sát được một bức tranh hoàn toàn khác, nhất là khi đứa trẻ sinh ra bị điếc hay làm mất thính giác ở giai đoạn sớm nhất của sự phát triển ngôn ngữ. Trong những tháng đầu của cuộc sống, không dễ gì mà nhận biết được đứa trẻ có vấn đề về thính lực hay không? Cũng như đứa trẻ nghe được, trẻ khiếm thính cũng phát ra những âm thanh phản xạ, phản ứng linh hoạt với đồ chơi nào đập vào mắt trẻ, nhưng trẻ không nghe được tiếng nói của người xung quanh, không hiểu những người xung quanh nói gì và không thể bắt chước được tiếng nói của mọi người xung quanh bởi vậy không tự học nói được. Vì vậy, trẻ khó có thể hình thành được sự liên hệ, liên tưởng giữa từ với đối tượng. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ khiếm thính càng bị tụt hậu so với trẻ bình thường nếu quá trình can thiệp sớm bị trì hoãn. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn như vậy nhưng nhu cầu giao tiếp của chúng cũng mạnh mẽ không kém gì những trẻ bình thường khác.

Chính từ nhu cầu này nảy sinh một hệ thống giao tiếp độc đáo - hệ thống ngôn ngữ cử chỉ điệu bộ. Trẻ

điếc khi còn nhỏ cần biểu thị những ý nghĩ của mình, ban đầu trẻ dùng những điệu bộ và dấu hiệu tự nhiên, sau đó trẻ tự sáng tạo ra. Sự thiếu ngôn ngữ, sự hạn chế và nghèo nàn của việc giao tiếp bằng ngôn ngữ đã làm cho trẻ mất khả năng thu nhận những khái niệm mới, kéo theo là sự chậm phát triển về nhận thức. Tất cả những điều này để lại dấu ấn trong sự phát triển chung của trẻ khiếm thính. Độ tuổi càng lớn thì khoảng cách giữa trẻ điếc và trẻ nghe được càng lớn.

Ở trẻ điếc bẩm sinh hoặc bị mất thính giác trong những tháng đầu tiên của cuộc sống thì những khó khăn trong sự phát triển giao tiếp cảm xúc trực tiếp với người lớn thể hiện khá rõ. E.I. Ixênhina đã nghiên cứu sự phát triển hệ thống phương tiện ngôn ngữ và phân tích sự hình thành ánh mắt, động tác cử chỉ và các hành động ở cả trẻ nghe bình thường và khiếm thính từ 0-2 tuổi. E.I. Ixênhina chia ánh mắt thành 4 kiểu:

- Ánh mắt giao tiếp - hướng vào mắt người khác với mục đích kéo sự chú ý về mình.

- Ánh mắt chỉ dẫn - hướng tới đồ vật với mục đích kéo sự chú ý của người khác đến đồ vật đó.

- Ánh mắt liên kết - giữa đồ vật mà trẻ hướng tới với người mà trẻ muốn giao tiếp.

- Ánh mắt tìm sự đánh giá (những hành động của mình) - hướng vào mắt người khác sau khi hoàn thành một hành động nào đó;

Khi 1 tuổi, trẻ khiếm thính có 2 kiểu ánh mắt: giao tiếp (98%) và tìm sự đánh giá (2%), còn ở trẻ nghe bình thường có cả 4 loại ánh mắt kể trên. Đến 1,5 tuổi, tức là chậm hơn nửa năm, ở trẻ khiếm thính mới xuất hiện hai kiểu ánh mắt còn lại [3; tr 29].

Đối với một trẻ khiếm thính nhỏ tuổi, trẻ có thể phát triển và lĩnh hội cả ngôn ngữ tiếng nói và ngôn ngữ kí hiệu. Dù sử dụng ngôn ngữ nào thì cử chỉ, điệu bộ, nét mặt... vẫn là phương tiện đầu tiên trẻ sử dụng để giao tiếp với mọi người xung quanh và cũng là phương tiện hỗ trợ trẻ phát triển kĩ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Ở vai trò người nói (người phát tin), trẻ khiếm thính có thể có khả năng sử dụng ngôn ngữ nói để giao tiếp. Tuy nhiên, việc phát âm của trẻ còn phụ thuộc vào yếu tố khác như độ mất thính lực, thời điểm mắc phải tật điếc... Nếu điếc nhẹ, ngôn ngữ của trẻ khiếm thính vẫn có thể phát triển nhưng chậm hơn so với trẻ bình thường. Nếu bị điếc sau khi ngôn ngữ đã phát triển khá đầy đủ thì trẻ vẫn có thể sử dụng vốn ngôn ngữ đã có (nhất là khả năng phát âm) để giao tiếp. Nếu điếc bẩm sinh và ở mức độ nặng thì trẻ khó có thể sử dụng được ngôn ngữ nói vì khả năng phát âm không tốt và nhiều trường hợp không thể phát âm được. Trong trường hợp này người

điếc có khuynh hướng sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, cử chỉ điệu bộ hơn là sử dụng ngôn ngữ nói. Thực tế kết quả nghiên cứu sự phát triển khả năng giao tiếp của trẻ khiếm thính trên thế giới đã khẳng định: dù trẻ có thể bị điếc bẩm sinh nhưng trẻ vẫn phát triển khả năng giao tiếp, vẫn có khả năng lĩnh hội những kĩ năng làm dấu, đánh vần bằng tay.

2.4. Một số biện pháp nhằm phát triển ngôn ngữ và thỏa mãn nhu cầu giao tiếp cho trẻ khiếm thính

- Thường xuyên giao tiếp với trẻ ngay cả khi biết rằng trẻ nghe kém hoặc điếc hoàn toàn. Trẻ điếc mặc dù không có tiếng nói, nhưng lại rất phát triển khả năng diễn đạt bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt... Cho nên, muốn giao tiếp được với trẻ cần hiểu những ngôn ngữ không lời đó. Mọi người, nhất là những người thân trong gia đình, bạn bè gần gũi sẽ có cơ hội hiểu tâm lí của trẻ nếu thường xuyên giao tiếp với trẻ. Khi giao tiếp với trẻ cần phối hợp ngôn ngữ nói và ngôn ngữ biểu cảm (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, động tác...) và nhìn thẳng vào trẻ khi giao tiếp để trẻ được quan sát miệng người đối thoại. Tránh quan điểm cho rằng trẻ không nghe, không hiểu được nên không hoặc hạn chế nói chuyện bằng lời với trẻ mà chỉ cần ra hiệu là đủ.

- Trong lớp học, với trẻ nghe kém mức độ nhẹ, cần sắp xếp cho trẻ ngồi vị trí thuận lợi trong lớp: ngồi đầu lớp, gần giáo viên, tai nào nghe tốt sẽ hướng về phía người nói để nghe được lời nói của giáo viên tốt hơn. Khi giao tiếp với trẻ giáo viên cần nói to và rõ hơn để trẻ có thể quan sát miệng của cô rõ hơn... Với trẻ nghe kém mức độ 2,3 và điếc nặng nếu đeo máy trợ thính vẫn có thể học nói được. Tuy nhiên, các hình thức giao tiếp không lời vẫn quan trọng hơn.

- Người lớn cần dạy trẻ giao tiếp bằng các hình thức không lời như dùng ánh mắt, nét mặt, tư thế cơ thể, hình miệng... Cụ thể:

+ **Hình miệng:** là các tư thế và cử động của miệng khi nói. Đọc hình miệng rất quan trọng đối với trẻ điếc. Nó giúp trẻ đoán được nội dung phát ngôn khi nói chuyện. Do vậy, người lớn khi nói với trẻ cần nói chậm hơn, dùng câu ngắn hơn để trẻ quan sát được mặt người đối thoại. Nên bắt đầu dạy trẻ bằng những từ đơn có các âm môi, và cử động miệng rõ. Chẳng hạn: “bô”, “mẹ”, “bóng”, “mũ”... Chọn hai vật có từ mà cử động môi khác nhau. Lần lượt giới thiệu từng vật cho trẻ. Sau đó chỉ nói mà không nhìn vào vật, để trẻ chỉ hoặc cầm lấy vật đó. Làm lại vài lần và đổi các vật khác. Đặt tay trẻ lên miệng người lớn để trẻ cảm nhận được hơi từ miệng và mũi thổi ra khi nói.

+ **Dùng dấu:** là dùng cử động của hai bàn tay, các ngón tay để giao tiếp. Cả trẻ và người lớn đều cần học dấu để có thể giao tiếp với nhau. Cách dạy trẻ dùng

dấu: Để hai vật cạnh nhau. Lần lượt chỉ vào từng vật và làm dấu về vật đó. Yêu cầu trẻ đưa một vật cho bạn khi bạn làm dấu về vật đó. Rồi để trẻ làm dấu, bạn đưa trẻ vật trẻ muốn. Dấu có thể chia thành nhiều bộ khác nhau theo các chủ đề: Dấu về đại từ nhân xưng: mẹ, bố, anh, chị, em trai, em gái... Dấu về thức ăn: cơm, bún, phở, cháo, mì, bánh mì, mì tôm... Các đồ dùng: bàn, ghế, giường, tủ, tivi, quạt, đèn, bát, đĩa, chậu... Các con vật trong nhà: mèo, chó, gà, vịt, ngỗng, trâu, dê, bò... Các dấu được mô tả bằng hình vẽ hoặc được quay video. Gia đình trẻ, giáo viên và những người xung quanh cần học theo dấu đó và sử dụng dấu khi giao tiếp với trẻ.

- **Hướng dẫn trẻ nghe:** Dù trẻ bị nghe kém, giao tiếp chủ yếu bằng ngôn ngữ biểu cảm, nhưng việc học nghe và nói vẫn cần được duy trì như một phương pháp giao tiếp quan trọng. Việc luyện nghe cho trẻ cần được tiến hành qua các bước sau:

+ **Tập cho trẻ nghe để phát hiện ra âm thanh:** Dùng xúc xắc, chuông hoặc kèn... tạo ra tiếng động và khuyến khích trẻ quay về phía có tiếng động. Có thể chơi trò “*tim tiếng động*”. Cách chơi: để trẻ đứng giữa, đội mũ hoặc trùm khăn kín đầu. Xung quanh trẻ có 3-4 người, 1 người trong số đó lắc vật, để trẻ tìm xem ai phát ra âm thanh? Có thể thưởng cho trẻ khi trẻ tìm đúng. Đổi chỗ cho trẻ. Khi trẻ đã dễ dàng tìm đúng vị trí nơi phát ra âm thanh, có thể tạo âm thanh nhỏ hơn, ngắn hơn để trẻ tìm. Thay đổi các vật có âm thanh khác nhau.

+ **Tập nghe để phân biệt âm thanh khác nhau:** Dùng vài thứ như xúc xắc, ống bơ có hòn sỏi, chuông... Để 3 thứ trước mặt trẻ. Lần lượt giới thiệu âm thanh khi lắc các vật đó gây nên. Để trẻ chỉ vào vật khi ta lắc vật đó. Sau đó che mắt trẻ bằng tấm bìa. Lắc vật và bảo trẻ chỉ vào vật đó. Đổi lượt chơi với trẻ. Nếu trẻ làm đúng vài lần, có thể thưởng cho trẻ chơi gì đó mà trẻ thích; chẳng hạn: búp bê, xếp hình...

+ **Tập nghe để phân biệt lời nói:** Để vài vật trước mặt trẻ, ví dụ: bát, thìa, cốc... Che miệng và nói tên một vật. Chú ý không nhìn vào vật đó khi nói. Yêu cầu trẻ chỉ vào vật đó. Đổi lượt với trẻ. Để trẻ nói, người lớn chỉ tay vào vật. Lúc đầu nói to, sau có thể nói nhỏ hơn. Cố gắng không quát lên khi nói với trẻ.

- **Hướng dẫn trẻ nói:**

+ **Dạy trẻ tạo âm thanh khác nhau:** Trẻ em dưới 1 tuổi có thể bắt đầu bằng tạo các âm thanh khác nhau. Dùng các nguyên âm như: “a” hay “i” kết hợp với các thanh ngang, thanh huyền, sắc trước, sau đó tới thanh nặng, hỏi, ngã. Ví dụ: cùng trẻ nói “a..a..a” “à..à..à”, “á..á..á..”. Để trẻ bắt chước các âm đó. Làm lại nhiều lần.

+ **Dạy trẻ nói các từ đơn:** Khi trẻ được khoảng 1 tuổi nên bắt đầu dạy trẻ nói các từ đơn. Bắt đầu nên chọn từ dễ, là các từ kết thúc bằng nguyên âm như: ba, mẹ, vào, đi... Những từ dễ bắt chước đối với trẻ là những từ có cử động môi rõ, kéo dài được. Nên dạy những từ mà trẻ thường dùng hàng ngày thì càng tốt. Ví dụ: tên của người thân, của các con vật trong nhà, tên gọi món ăn yêu thích của trẻ... Sau đó, dạy các từ khó hơn, từ bắt đầu bằng các âm "t, đ, s, x ch...". Muốn dạy trẻ học nhiều từ, cần sử dụng đồ vật hoặc tranh để dạy. Khi dạy, hãy kết hợp 1 tranh với 1 dấu gắn với 1 từ đơn.

+ **Dạy nói câu ngắn rồi câu dài hơn:** Khi trẻ có vốn từ khá hơn, có thể nói các từ thành câu ngắn 2-3 từ. Nên nói chậm vừa phải để trẻ quan sát cử động miệng. Nhưng không nói chậm quá, khiến trẻ không nói được thành câu.

Trong trường hợp trẻ điếc nặng, đeo máy trợ thính và các biện pháp hỗ trợ kể trên có thể ít hiệu quả trẻ sẽ giao tiếp chủ yếu bằng các phương tiện phi ngôn ngữ - ngôn ngữ biểu cảm. Một số trường hợp có điều kiện kinh tế cao có thể cho trẻ cấy điện cực ốc tai ngay từ nhỏ và luyện nghe nói cho trẻ. Khi ấy trẻ vẫn có cơ hội giao tiếp bình thường như các trẻ khác.

3. Kết luận

Như vậy, ngôn ngữ biểu cảm là một phương tiện hiệu quả giúp trẻ khiếm thính thiết lập và duy trì mối quan hệ xã hội với mọi người xung quanh, đó cũng là

một phương tiện hữu hiệu để trẻ nhận thức thế giới, lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử - xã hội của loài người. Hơn nữa, trẻ khiếm thính cũng giống như tất cả trẻ em khác còn có khả năng học giao tiếp bằng các phương tiện với những mức độ khác nhau. Nếu sử dụng những biện pháp phát triển các loại ngôn ngữ nhằm thỏa mãn nhu cầu giao tiếp cho trẻ khiếm thính một cách linh hoạt, sáng tạo thì những trẻ có khó khăn về nghe ở các mức độ khác nhau có thể kết bạn, học tập, thúc đẩy sự phát triển trí tuệ, góp phần hoàn thiện nhân cách cho trẻ, từ đó mà trẻ có được cuộc sống hạnh phúc hơn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2005). *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trịnh Xuân Dũng - Đinh Văn Đáng (2000). *Kỹ năng giao tiếp*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Lê Thị Thuý Hằng - Nguyễn Xuân Hải - Vương Hồng Tâm (2008). *Phát triển kỹ năng học tập và kỹ năng xã hội cho học sinh chậm phát triển trí tuệ và khiếm thính cuối tiểu học*. NXB Khoa học Xã hội.
- [4] Đặng Thu Quỳnh (2000). *Trò chơi với chữ cái ngôn ngữ*. NXB Giáo dục.
- [5] Trần Thị Thiệp (2006). *Phương pháp dạy phát âm cho trẻ khiếm thính*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Trịnh Đức Duy (1997). *Giáo dục trẻ khuyết tật thính giác*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục.

Lựa chọn phương tiện giao tiếp...

(Tiếp theo trang 114)

Tài liệu tham khảo

- [1] Lang, H. G., & Corner, K. (2001). *From dream to reality: The history and first 30 years of the National Technical Institute for the Deaf at Rochester Institute of Technology*. Rochester, NY: National Technical institute for the Deaf.
- [2] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2005). *Đại cương về giáo dục trẻ khiếm thính*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Akamatsu, C., Stewart, D., & Becker, B.J. (2000). *Documenting English syntactic development in face-to-face signed communication*. American Annals of the Deaf, 145(5), 452-463.
- [4] Cole, E. B., & Paterson, M. M. (1984). The McGill University Project. In D. Ling (Ed.), *Early intervention for hearing-impaired children: Oral options* (pp. 119 - 180). San Diego: College-Hill.
- [5] Đỗ Thị Hiền (2012). *Ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, đề tài cấp Bộ, Viện Ngôn ngữ học.

- [6] Schick, B., Marschark, M., Spencer, P. E. (2006), *Advances in the Sign Language Development of Deaf Children*, Oxford University Press.
- [7] Caprici, Inversen, J. M., Montanari, S., & Volterra, V. (2002). *Gestural, signed and spoken modalities in early language development: the role of linguistic input*. Bilingualism, 1: 25-37.
- [8] Caccamise, F., Hatfield, N., & Brewer, L. (1978). *Manual/simultaneous communication research: Results and implications*. American Annals of the Deaf, 123, 803-823.
- [9] Barry McComick (1996), *Pediatric audiology 0-5 years, Practical aspects of audiology*, Whurr Publisher: London.
- [10] Bùi Thị Lâm (2016). *Cần thiệp sớm cho trẻ khiếm thính*. NXB Đại học Sư phạm.
- [11] Buckley, B. (2003). *Children's communication skills from birth to five years*, New York: Routledge Publisher.
- [12] Nguyễn Minh Phương (2016). *Biện pháp phát triển kỹ năng nghe - nói cho trẻ khiếm thính trong trường mầm non hòa nhập*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, kì 2 - tháng 6/2016; tr 165.